

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 3230/QĐ-ĐHKTQD ngày 28 tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

<b>CHƯƠNG TRÌNH:</b> (PROGRAMME)	<b>CỬ NHÂN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ - AGKN</b> (BACHELOR OF LOGISTICS AND SUPPLY CHAIN MANAGEMENT IN ENGLISH INTEGRATED WITH AGKN)
<b>TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:</b> (LEVEL OF EDUCATION)	<b>ĐẠI HỌC</b> (UNDERGRADUATE)
<b>NGÀNH ĐÀO TẠO:</b> (MAJOR)	<b>LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG</b> LOGISTICS AND SUPPLY CHAIN MANAGEMENT
<b>MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:</b> (CODE)	<b>7510605</b> EP14
<b>HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:</b> (TYPE OF EDUCATION)	<b>CHÍNH QUY</b> (FULL – TIME)
<b>NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO:</b> (LANGUAGE)	<b>TIẾNG ANH</b> (ENGLISH)
<b>THỜI GIAN ĐÀO TẠO</b> (DURATION TIME)	<b>04 NĂM</b> (04 YEARS)

### 1. MỤC TIÊU

Chương trình Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng bằng tiếng Anh tích hợp chứng chỉ quốc tế AGKN là chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy được giảng dạy bằng tiếng Anh, có tích hợp thêm 06 môn học trong chương trình được Mạng lưới Chia sẻ Tri thức về Vận tải và Logistics Đức và Châu Á (Asian - German Knowledge Network for Transport and Logistics) chứng nhận.

Mục tiêu của chương trình là đào tạo các cử nhân trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng có chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế, có kiến thức cơ bản về xã hội nhân văn, kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên môn hiện đại về logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có năng lực tổng hợp, phân tích và khả năng tổ chức các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế trong môi



trường hội nhập có tính cạnh tranh cao. Sinh viên tốt nghiệp chương trình thành thạo về tiếng Anh, có năng lực tổ chức và triển khai các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các loại hình doanh nghiệp khác nhau ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics lớn và chuyên nghiệp. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu có đào tạo và nghiên cứu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có cơ hội được học tiếp các chương trình sau đại học ở trong nước và nước ngoài.

**- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:**

Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng bằng tiếng Anh tích hợp chứng chỉ quốc tế AGKN có thể làm tốt các vị trí công việc ở các bộ phận sau:

- Tổ chức và điều phối hoạt động logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trong nước và quốc tế: doanh nghiệp giao nhận và vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, giao nhận vận tải đa phương thức; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cảng, kho bãi, hải quan, thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ;

- Tổ chức và điều phối hoạt động logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ trong nước và nước ngoài;

- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác có liên quan.

- Cán bộ tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan đến hoạch định chính sách về logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Tự thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn để trở thành giảng viên và nghiên cứu viên về logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các cơ sở đào tạo và nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực này.

**- Trình độ ngoại ngữ và tin học:**

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế quốc dân. Cụ thể có trình độ ngoại ngữ đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 6.0 hoặc tương đương (TOEIC, TOEFL), có trình độ tin học đạt chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD.

**2. CHUẨN ĐẦU RA**

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Mã PLO
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Biết những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế - xã hội, có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và quản lý; kiến thức kinh tế tổng hợp và kiến thức liên ngành tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	PLO.1



<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã PLO</b>
	Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của logistics và quản lý chuỗi cung ứng so với những lĩnh vực kinh doanh khác.	
	Hiểu rõ các lý thuyết về logistics và quản trị chuỗi cung ứng; nắm bắt được xu hướng phát triển logistics và chuỗi cung ứng trên thị trường trong nước và quốc tế.	PLO.2
	Phân tích được các nhân tố tác động đến các quyết định liên quan đến tổ chức, triển khai và quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.	PLO.3
	Thực hiện và tổ chức được các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.	PLO.4
	Vận dụng các kiến thức và kinh nghiệm về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để thực hiện các chức năng kinh doanh và quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.	PLO.5
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Kỹ năng chuyên môn: Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được rèn luyện các kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập, công cụ và phương thức tìm kiếm thông tin về thị trường logistics, công cụ và cách thức nhận diện rủi ro trong kinh doanh logistics, công cụ và cách thức quản trị các nguồn lực của doanh nghiệp để vận dụng hiệu quả trong doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng; biết, hiểu và vận dụng linh hoạt các kỹ năng thực hiện nghiệp vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng đối với từng loại hình kinh doanh và doanh nghiệp cụ thể.	PLO.6
	Kỹ năng bổ trợ: biết, hiểu và vận dụng linh hoạt các kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và thuyết phục; phản biện; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lãnh đạo... trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, đa văn hóa và có tính cạnh tranh cao	PLO.7
<b>CDR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	PLO.8



Chuẩn đầu ra	Mô tả	Mã PLO
<b>CĐR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	PLO.9
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Có năng lực làm việc độc lập; có tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo trong công việc; có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn về logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong công việc; có khả năng đưa ra được những kết luận để giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối công việc, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn có liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.	PLO.10
	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm nghề nghiệp; có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, hội nhập, đa văn hóa và có tính cạnh tranh cao	PLO.11

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh đại học của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Trường đại học Kinh tế quốc dân

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

### 7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 7.1. Cấu trúc cơ bản

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Lý luận chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của Lĩnh vực



Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>88</b>	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	45	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (05 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (06 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>132</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

## 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12 - 18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC))		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
<b>Tổng số tín chỉ</b>				<b>132</b>			
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>44</b>			
<b>1.1. Các học phần chung</b>				<b>20</b>			
1	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	1		Tiếng Việt
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	2		Tiếng Việt
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	3		Tiếng Việt
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	4		Tiếng Việt
5	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	5		Tiếng Việt
6	6.1	Ngoại ngữ 1 Foreign Language 1	EP14.NNKC1 131	3	1		Tiếng Anh
	6.2	Ngoại ngữ 2 Foreign Language 2	EP14.NNKC1 132	3	2		Tiếng Anh
	6.3	Tiếng Anh chuyên ngành	EP14.1111	3	3		Tiếng Anh



TT	Nội dung chương trình đào tạo (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC))		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
		English for Logistics and Supply Chain Management					
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4			Tiếng Việt
		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8			Tiếng Việt
<b>1.2. Các học phần của Trường</b>				<b>12</b>			
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP14.KHMI1101	3	1		Tiếng Anh
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	EP14.KHMA1101	3	2		Tiếng Anh
9	3	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh Calculus for Business	EP14.1115	3	1		Tiếng Anh
10	4	Tư duy phân biện Critical Thinking	EP14.NNTM1173	3	2		Tiếng Anh
<b>1.3. Các học phần của ngành</b>				<b>12</b>			
11	1	Nguyên lý quản trị và vận hành Principles of Management and Operations	EP14.1117	3	3		Tiếng Anh
12	2	Kế toán Quản trị Managerial Accounting	EP14.KTQT1108	3	3		Tiếng Anh
13	3	Marketing căn bản Principles of Marketing	EP14.MKMA1104	3	3		Tiếng Anh
14	4	Thống kê kinh doanh Business Statistics	EP14.TKKD1104	3	2		Tiếng Anh
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				<b>88</b>			
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>15</b>			
15	1	Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh Legal and Regulatory Environment of Business	EP14.1118	3	4		Tiếng Anh
16	2	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	EP14.TIHT1102	3	4		Tiếng Anh
17	3	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	EP14.NLQT1101	3	5		Tiếng Anh
18	4	Quản trị logistics căn bản Principle of Logistics Management	EP14.TMKT1125	3	4		Tiếng Anh
19	5	Hoạch định vận hành và kiểm soát Operations Planning and Control	EP14.1119	3	5		Tiếng Anh
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>45</b>			
<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>				<b>30</b>			
20	1	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế Global supply chain management	EP14.TMKD1123	3	5		Tiếng Anh



TT	Nội dung chương trình đào tạo (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC))		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
21	2	Chiến lược và chính sách kinh doanh Business Strategy and Policy	EP14.1101	3	7		Tiếng Anh
22	3	Kinh tế quốc tế International Economics	EP14.TMKQ 1123	3	4		Tiếng Anh
23	4	Tài chính kinh doanh Business Finance	EP14.1102	3	5		Tiếng Anh
24	5	Giao tiếp kinh doanh Business Communication	EP14.QTVH1 109	3	3		Tiếng Anh
25	6	Logistics toàn cầu Introduction to Global Logistics	EP14.1103	3	6		Tiếng Anh
26	7	Kinh doanh quốc tế International Business	EP14.TMKD 1128	3	5		Tiếng Anh
27	8	Thương mại điện tử Electronic Commerce	EP14.TMQT1 125	3	6		Tiếng Anh
28	9	Kinh doanh thương mại Commercial business	EP14.TMKT1 114	3	4		Tiếng Anh
29	10	Đề án ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Major Research Paper	EP14.TMKT1 149	3	6		Tiếng Anh
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)				<b>15</b>			
30 31 32 33 34	1	Kỹ năng làm việc nhóm Teamwork skills	EP14.1104	3	1		Tiếng Anh
	2	Đạo đức kinh doanh Business Ethics	EP14.QTVH1 107	3	6		Tiếng Anh
	3	Quản lý tài chính cá nhân và gia đình (Personal & Family Financial Management)	EP14.1105	3	5		Tiếng Anh
	4	Phương pháp nghiên cứu hành vi Behavioral Research Methods	EP14.1106	3	5		Tiếng Anh
	5	Phân tích chi phí lợi ích của dự án Project Cost-Benefits Analysis	EP14.1107	3	6		Tiếng Anh
	6	Luật thương mại quốc tế Law on International Trade	EP14.LUKD1 112	3	5		Tiếng Anh
	7	Địa lý kinh tế Introduction to Physical Geography	EP14.MTKT1 102	3	4		Tiếng Anh
	8	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	EP14.TMKT1 116	3	6		Tiếng Anh
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				<b>18</b>			
35 36	1	Quản trị logistics và vận tải Logistics and Transport Management	EP14.1108	3	6		Tiếng Anh
	2	Quản trị mua hàng	EP14.1109	3	7		Tiếng Anh



TT	Nội dung chương trình đào tạo (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC))	MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
37	Procurement Management					
38	3 Quản trị dịch vụ Service management	EP14.1110	3	7		Tiếng Anh
39	4 Quản trị quốc tế: quản trị đa văn hóa và hành vi International Management: cross culture and behavior	EP14.TMKD 1129	3	7		Tiếng Anh
40	5 Nghiệp vụ ngoại thương Foreign trade Practice	EP14.TMKD 1131	3	7		Tiếng Anh
	6 Quản trị dự trữ Inventory Management	EP14.TMKT1 142	3	7		Tiếng Anh
	7 Logistics sản xuất và bán lẻ Retail and Manufacturing Logistics	EP14.1113	3	7		Tiếng Anh
	8 Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế Payment and Credit in International Trade	EP14.NHQT1 118	3	6		Tiếng Anh
	9 Logistics điện tử E-Logistics	EP14.1114	3	7		Tiếng Anh
41	Khóa luận tốt nghiệp - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Graduation Thesis	EP14.TMKT1 153	10	8		Tiếng Anh

### 8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.



9. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 3. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	Số TC	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	
1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	3						3					3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	3						3					3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	3						3					3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	3						3					3
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	3						3					3
6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9							3			3		
7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4												3
8	Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8												3
9	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP14.KHMI1101	3	3						3				3	
10	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	EP14.KHMA1101	3	3						3				3	



TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	
11	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh Calculus for Business	EP14.1115	3	3						3				3	
12	Tư duy phản biện Critical Thinking	EP14.TTTM1173	3							3	3			3	
13	Nguyên lý quản trị và vận hành Principles of Management and Operations	EP14.1117	3	3		3	3			3				3	
14	Kế toán Quản trị Managerial Accounting	EP14.KTQT1108	3			3	3							3	
15	Marketing căn bản Principles of Marketing	EP14.MKMA1104	3	3		3				3					3
16	Thống kê kinh doanh Business Statistics	EP14.TKKD1104	3	3						3				3	
17	Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh Legal and Regulatory Environment of Business	EP14.1118	3	3		3								3	3
18	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	EP14.TIHT1102	3	3		3						3		3	
19	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	EP14.NLQT1101	3				3	3							3
20	Quản trị logistics căn bản Principle of Logistics Management	EP14.TMKT1125	3		3	3		4						3	
21	Hoạch định vận hành và kiểm soát Operations Planning and Control	EP14.1119	3		3		3	4						3	3



TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
22	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế Global supply chain management	EP14.TMKD1123	3		3	3		4					3	3
23	Chiến lược và chính sách kinh doanh Business Strategy and Policy	EP14.1101	3				3	4					3	3
24	Kinh tế quốc tế International Economics	EP14.TMKQ1123	3	3		3			3					3
25	Tài chính kinh doanh Business Finance	EP14.1102	3	3					3				3	
26	Giao tiếp kinh doanh Business Communication	EP14.QTVH1109	3						3	3			3	3
27	Logistics toàn cầu Introduction to Global Logistics	EP14.1103	3		3	3	3		3			3		3
28	Kinh doanh quốc tế International Business	EP14.TMKD1128	3		3	3	3		3			3		3
29	Thương mại điện tử Electronic Commerce	EP14.TMQT1125	3			3	3	3	3		3		3	
30	Kinh doanh thương mại Commercial business	EP14.TMKT1114	3		3	3	3		3				3	
31	Đề án ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Major Research Paper	EP14.TMKT1149	3			3	4	4	3	3			3	
32	Kỹ năng làm việc nhóm Teamwork skills	EP14.1104	3							3			3	3
33	Đạo đức kinh doanh Business Ethics	EP14.QTVH1107	3				3						3	3



TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	Số TC	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	
34	Quản lý tài chính cá nhân và gia đình Personal & Family Financial Management	EP14.1105	3				3				3				3
35	Phương pháp nghiên cứu hành vi Behavioral Research Methods	EP14.1106	3	3		3				3				3	3
36	Phân tích chi phí lợi ích của dự án Project Cost-Benefits Analysis	EP14.1107	3			3				3				3	
37	Luật thương mại quốc tế Law on International Trade	EP14.LUKD1112	3			3				3				3	3
38	Địa lý kinh tế Introduction to Physical Geography	EP14.MTKT1102	3	3		3									
39	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	EP14.TMKT1116	3				3	3	3	3				3	3
40	Quản trị Logistics và vận tải Logistics and Transport Management	EP14.1108	3				4	4	3					3	3
41	Quản trị mua hàng Procurement Management	EP14.1109	3				4	4	3					3	3
42	Quản trị dịch vụ Service management	EP14.1110	3				4	4	3						
43	Quản trị quốc tế: quản trị đa văn hóa và hành vi International Management: cross cultural and behavior	EP14.TMKD1129	3				4	4	3					3	3
44	Nghiệp vụ ngoại thương Foreign trade Practice	EP14.TMKD1131	3			3	4	4	3					3	3



TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	Số TC	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng				CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
45	Quản trị dự trữ Inventory Management	EP14.TMKT1142	3				4	4					3	
46	Logistics sản xuất và bán lẻ Retail and Manufacturing Logistics	EP14.1113	3		3		4	4					3	
47	Thanh toán và tín dụng thương mại quốc tế Payment and Credit in International Trade	EP14.NHQT1118	3				3		3				3	
48	Logistics điện tử E-Logistics	EP14.1114	3				3		3		3		3	
49	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	EP14.TMKT1153	10			4	4	5	4	4			4	4
Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3										3	3			

10. Thời điểm điều chỉnh Chương trình đào tạo: tháng 12 năm 2022, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS Tạ Văn Lợi

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương